

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

NỘI DUNG

Thông tin về doanh nghiệp

Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)

HÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp

Số 3601478519 cấp lần đầu ngày ngày 25 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 30 tháng 6 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Đặng Huỳnh Úc My

Chủ tịch

(bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017)

Ông Lê Ngọc Thông
Bà Phạm Thị Thu Trang
Ông Lê Ngọc Thông
Bà Nguyễn Thái Hà
Bà Phạm Vũ Thanh Hà

Phó Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

(bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Đặng Huỳnh Úc My

Tổng Giám đốc

(bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017)

Bà Nguyễn Thanh Diệp

Tổng Giám đốc

(miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017)

**Người đại diện
theo pháp luật**

Bà Đặng Huỳnh Úc My

Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thanh Diệp

(bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm
2017)
Tổng Giám đốc
(miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm
2017)

Trụ sở chính

253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2017 VND	30.6.2017 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		135.961.107.303	75.256.941.499
110	Tiền		1.838.252.634	3.903.630.190
111	Tiền	3	1.838.252.634	3.903.630.190
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		129.601.950.349	67.569.889.845
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	1.326.237.264	3.104.741.590
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	6.743.894.508	6.359.071.852
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	84.853.171.144	40.223.171.144
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	37.295.598.802	18.499.856.628
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(616.951.369)	(616.951.369)
140	Hàng tồn kho		573.331.067	531.675.047
141	Hàng tồn kho		573.331.067	531.675.047
150	Tài sản ngắn hạn khác		3.947.573.253	3.251.746.417
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	1.548.731.305	200.795.931
152	Thuế GTGT được khấu trừ		1.983.820.889	2.635.929.427
153	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	415.021.059	415.021.059
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		549.447.040.351	466.565.255.226
210	Phải thu dài hạn		10.108.573.744	2.503.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	10.108.573.744	2.503.000.000
220	Tài sản cố định		56.980.683.017	57.484.637.778
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	38.789.544.574	39.134.981.965
222	Nguyên giá		44.543.111.029	43.998.762.174
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.753.566.455)	(4.863.780.209)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	18.191.138.443	18.349.655.813
228	Nguyên giá		18.232.248.553	18.377.062.553
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(41.110.110)	(27.406.740)
240	Tài sản dở dang dài hạn		73.138.642.045	50.022.890.079
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	73.138.642.045	50.022.890.079
250	Đầu tư tài chính dài hạn	12	403.534.558.414	353.154.593.135
251	Đầu tư vào công ty con		407.292.019.008	356.912.053.729
252	Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.757.460.594)	(3.757.460.594)
260	Tài sản dài hạn khác		5.684.583.131	3.400.134.234
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	5.684.583.131	3.400.134.234
270	TỔNG TÀI SẢN		685.408.147.654	541.822.196.725

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2017 VND	30.6.2017 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		316.467.624.575	189.037.210.618
310	Nợ ngắn hạn		44.842.624.575	63.162.210.618
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	2.233.403.514	23.885.235.152
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		212.624.139	-
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	116.883.172	57.157.204
314	Phải trả người lao động		605.114	2.121.211.560
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.300.366.692	2.440.085.451
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	7.599.289.731	8.218.521.251
320	Vay ngắn hạn	17(a)	33.625.000.000	26.440.000.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(245.547.787)	
330	Nợ dài hạn		271.625.000.000	125.875.000.000
338	Vay dài hạn	17(b)	271.625.000.000	125.875.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		368.940.523.079	352.784.986.107
410	Vốn chủ sở hữu		368.940.523.079	352.784.986.107
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	350.000.000.000	350.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	18	350.000.000.000	350.000.000.000
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	19	18.940.523.079	2.784.986.107
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		2.782.804.288	1.431.684.643
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		16.157.718.791	1.353.301.464
440	TỔNG NGUỒN VỐN		685.408.147.654	541.822.196.725

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Người lập

Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng



Dương Thục Linh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	
		2017 VND	2016 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.485.898.798	19.231.148.561
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(18.990.000)	
10	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.466.908.798	19.231.148.561
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(19.907.633.777)	(17.654.178.997)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(4.440.724.979)	1.576.969.564
21	Doanh thu hoạt động tài chính	42.603.312.514	21.392.983.125
22	Chi phí tài chính	(13.840.849.279)	(8.017.508.300)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(13.840.849.279)	(8.017.508.300)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(7.609.274.179)	(5.512.694.398)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16.712.464.077	9.439.749.991
31	Thu nhập khác	5.763.667	426.736
32	Chi phí khác	(560.508.953)	(14.844.952)
40	Lỗ khác	(554.745.286)	(14.418.216)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.157.718.791	9.425.331.775
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	27(a)	-
52	Thuế TNDN hoãn lại	27(b)	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.157.718.791	9.425.331.775



Nguyễn Thị Thanh Hoa
Người lập



Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng



Dương Thục Linh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	
		2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	16.157.718.791	9.425.331.775
02	Điều chỉnh cho các khoản:		
03	Khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”)	10, 28	903.489.616
05	Các khoản dự phòng		961.714.361
06	Lãi từ hoạt động đầu tư		(38.122.301.783)
			(21.392.983.125)
06	Chi phí lãi vay	24	11.271.427.069
			8.017.508.300
07	Các khoản điều chỉnh khác		(2.181.819)
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(7.791.848.126)
09	Giảm các khoản phải thu		(24.355.525.710)
10	Tăng hàng tồn kho		(41.656.020)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(25.872.819.944)
12	Tăng chi phí trả trước		(3.632.384.271)
14	Tiền lãi vay đã trả		(11.218.200.648)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(245.547.787)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(74.597.427.239)
			(3.656.565.306)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(23.515.286.821)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		(2.249.979.741)
23	Chi cho vay đơn vị khác		(348.363.000.000)
24	Thu hồi cho vay đơn vị khác		(16.724.000.000)
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		303.733.000.000
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.686.828.856
27	Tiền thu lãi cho vay và cổ tức		(50.379.965.279)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(15.124.659.000)
			-
			38.122.301.783
			(80.402.950.317)
			1.886.035.852
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu tiền từ phát hành cổ phiếu phổ thông		50.000.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		180.850.000.000
34	Chi trả nợ gốc vay		17.000.000.000\
36	Chi trả cổ tức		(27.915.000.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính		(47.434.000.000)
			(17.835.377.243)
			152.935.000.000
			1.730.622.757
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.065.377.556)
			(39.906.697)
60	Tiền đầu năm	3	3.903.630.190
			438.356.772
70	Tiền cuối năm	3	1.838.252.634
			398.450.075

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Người lập

Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng

Dương Thục Linh
Phó Tổng Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601478519 cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 30 tháng 6 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ giáo dục chung (từ tiểu học đến trung học phổ thông); giáo dục mầm non; dạy nghề; đào tạo đại học và cao đẳng; các loại hình giáo dục khác như tiếng nước ngoài và kỹ năng vi tính; cho thuê và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 96 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 324 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất Tập đoàn. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và hoạt động lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.4 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm luân chuyển và bị hỏng.

2.7 Đầu tư

(a) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa	5 - 35 năm
Thiết bị trường học	5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

2.12 Chi phí đi vay

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

2.16 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

(a) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(b) Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

2.17 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo

Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ giáo dục và đào tạo đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

phải cung cấp. Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(c) Doanh thu cho thuê

Thu nhập cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

(d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(e) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

Mẫu số B 09 – DN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Giá vốn

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm [các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

2.20 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên các báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.21 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 TIỀN

	31.12.2017	30.6.2017
	VND	VND
Tiền mặt	32.058.130	32.010.244
Tiền gửi ngân hàng	1.806.194.504	3.871.619.946
	<u>1.838.252.634</u>	<u>3.903.630.190</u>

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.12.2017	30.6.2017
	VND	VND
Bên thứ ba		2.827.986
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	1.326.237.264	3.101.913.604
	<u>1.326.237.264</u>	<u>3.104.741.590</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.12.2017 VND	30.6.2017 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Phát triển Đầu tư An Phúc	321.840.982	1.128.077.586
Công ty TNHH Phần mềm và tư vấn Kim Tỵ Tháp	803.200.000	
Các bên thứ ba khác	2.338.520.711	1.950.661.451
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	280.332.815	280.332.815
	<u>6.743.894.508</u>	<u>6.359.071.852</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty không có khoản trả trước cho người bán nào khó có khả năng thu hồi.

6 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh các khoản cho vay tín chấp cho bên liên quan và hưởng lãi suất năm 11%.

Biến động các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn trong năm như sau:

	31.12.2017 VND	30.06.2017 VND
Số dư đầu năm	40.223.171.144	19.000.000.000
Tiền cho vay	348.363.000.000	59.340.000.000
Tiền thu hồi khoản cho vay	(303.733.000.000)	(38.116.828.856)
	<u>84.853.171.144</u>	<u>40.223.171.144</u>

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn như sau:

	31.12.2017 VND	30.6.2017 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Giải trí Thịnh Thiên Mã	9.383.171.144	9.383.171.144
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	75.470.000.000	30.840.000.000
	<u>84.853.171.144</u>	<u>40.223.171.144</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

7 PHẢI THU KHÁC

	31.12.2017		30.6.2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
(a) Ngắn hạn				
Bên thứ ba				
Tạm ứng cho nhân viên	1.089.850.438	-	1.312.697.474	
Khác	616.951.369	(616.951.369)	617.725.103	(616.951.369)
	<u>1.706.801.807</u>	<u>(616.951.369)</u>	<u>1.930.422.577</u>	<u>(616.951.369)</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))				
Phải thu cổ tức	25.819.929.991	-	12.549.197.515	-
Phải thu lãi cho vay	8.491.967.385	-	4.020.236.536	
Khác	1.276.899.619	-	-	
	<u>35.588.796.995</u>	<u>-</u>	<u>6.569.434.051</u>	
	<u>37.295.598.802</u>	<u>(616.951.369)</u>	<u>18.499.856.628</u>	<u>(616.951.369)</u>
(b) Dài hạn				
Phải thu đầu tư		-	275.200.000	-
Ký quỹ, ký cược	10.108.573.744		2.227.800.000	
	<u>10.108.573.744</u>	<u>-</u>	<u>2.503.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	31.12.2017 VND	30.6.2017 VND
Công cụ, dụng cụ	1.548.731.305	152.139.480
Chi phí khác	-	48.656.451
	<u>1.548.731.305</u>	<u>200.795.931</u>

(b) Dài hạn

	31.12.2017 VND	30.6.2017 VND
Công cụ, dụng cụ	<u>5.684.583.131</u>	<u>3.400.134.234</u>

Biến động chi phí trả trước trong năm như sau:

	31.12.2017 VND	30.6.2017 VND
Số dư đầu năm	3.600.930.165	3.210.179.886
Tăng trong năm	6.417.761.382	5.161.756.881
Phân bổ trong năm	(2.785.377.111)	(4.549.006.605)
Thanh lý trong năm		(221.999.997)
Số dư cuối năm	<u>7.233.314.436</u>	<u>3.600.930.165</u>

9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31.12.2017 VND	30.6.2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	<u>415.021.059</u>	<u>415.021.059</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	41.532.569.903	873.903.271	1.592.289.000	43.998.762.174
Tăng trong năm		494.803.400	49.545.455	544.348.855
Chuyển từ chi phí XDCB dở dang (Thuyết minh 11) Thanh lý		-	-	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	41.532.569.903	1.368.706.671	1.641.834.455	44.543.111.029
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	(4.149.703.725)	(439.869.144)	(274.207.340)	(4.863.780.209)
Tăng trong năm	(669.167.304)	(40.354.933)	(180.264.009)	(889.786.406)
Thanh lý		-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	(4.818.871.029)	(480.224.077)	(454.471.349)	(5.753.566.615)
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	37.382.866.178	434.034.127	1.318.081.660	39.134.981.965
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	36.713.698.874	888.482.594	1.187.363.106	38.789.544.574

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG
Mẫu số B 09 – DN

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	18.095.214.853	281.847.700	18.377.062.553
Điều chỉnh giảm trong năm	-	(144.814.000)	(144.814.000)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)		-	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	18.095.214.853	137.033.700	18.232.248.553
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017		(27.406.740)	(27.406.740)
Hao mòn trong năm		(13.703.370)	(13.703.370)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017		(41.110.110)	(41.110.110)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	18.095.214.853	254.440.960	18.349.655.813
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	18.095.214.853	95.923.590	18.191.138.443

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2017 VND	30/06/2017 VND
Số dư đầu năm	50.022.890.079	42.129.367.385
Tăng trong năm	28.628.438.563	23.865.048.085
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10(a))		(7.397.122.538)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10(b))	(5.512.686.597)	(8.574.402.853)
Chuyển sang giá trị góp vốn		-
Số dư cuối năm	73.138.642.045	50.022.890.079

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG (tiếp theo)

Chi tiết số dư các công trình xây dựng cơ bản dở dang cuối năm như sau:

	31.12.2017 VND	30.6.2017 VND
Trung tâm Đào tạo Ngoại ngữ và Phục vụ Giáo dục(*)	27.149.452.094	27.149.452.094
Dự án Trường Mầm non Bến Tre	45.142.136.818	21.422.093.417
Dự án Trường THPT Lê Quý Đôn 3	127.350.338	687.950.000
Trung Tâm Ngoại ngữ - Tin học tư duy toàn cầu TTC		332.771.773
Mở rộng và nâng cấp Đại học Yersin Đà Lạt	306.971.479	306.971.479
Dự án Trường mầm non Abi Quốc tế Sài Gòn	412.731.316	123.651.316
Trung tâm sinh hoạt dã ngoại thanh thiếu nhi	-	-
Nâng cấp văn phòng	-	-
	73.138.642.045	50.022.890.079
	73.138.642.045	50.022.890.079

12 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	2017 Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
(a) Đầu tư vào công ty con				
Trường TH – THCS – THPT Thái Bình Dương	100	25.000.000.000	(*)	-
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế ABI Đồng Nai	100	1.139.054.816	(*)	-
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế ABI Bình Dương	100	2.000.000.000	(*)	-
Trường THPT Lê Quý Đôn	100	81.715.998.029	(*)	-
Trường TH – THCS Lê Quý Đôn	100	35.284.001.971	(*)	-
Trường THCS – THPT Tân Phú	75	72.500.000.000	(*)	-
Trường TH – THCS – THPT Trịnh Hoài Đức	100	16.600.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	89,83	26.843.561.500	(*)	(5.503.659.763)
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	60	51.290.497.109	(*)	-
Trường THPT Lê Quý Đôn- Long Bình Tân	100	5.042.901.333	(*)	-
Trường Đại học Yersin Đà Lạt (**)	81,96	88.657.340.304	(*)	-
Công ty TNHH MTV Học viện Thành Thành Công (***)	100	566.000.000	(*)	(558.913.283)
Công ty TNHH Một thành viên Học viện TTC (****)		200.000.000		
Trung Tâm Ngoại ngữ- tin học toàn cầu TTC		452.663.946	(*)	
		407.292.019.008		(6.062.573.046)
		407.292.019.008		(6.062.573.046)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

12 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do chưa có đầy đủ thông tin cần thiết về giá trị hợp lý.
- (**) Căn cứ vào thỏa thuận của các cổ đông, tại ngày 1 tháng 10 năm 2016, Công ty hoàn tất thủ tục chuyển nhượng và chính thức nắm quyền kiểm soát đối với trường Đại học Yersin Đà Lạt tương ứng với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 50,41%. Trong năm, Công ty tiếp tục đầu tư vào trường Đại học Yersin Đà Lạt để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 81,96%.
- (***) Công ty thành lập theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603427647 ngày 9 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, với vốn điều lệ là 566.000.000 đồng. Vào ngày 24 tháng 4 năm 2017, Ban Tổng Giám đốc công ty đã quyết định giải thể doanh nghiệp. Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính này, thủ tục giải thể vẫn đang được tiến hành.
- (****) Công ty thành lập theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314290652 ngày 15 tháng 3 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, với vốn điều lệ là 1.000.000.000 đồng.

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.12.2017 VND	30.6.2017 VND
Bên thứ ba	253.726.216	286.794.998
Bên liên quan	1.979.677.298	23.598.440.154
	<u>2.233.403.514</u>	<u>23.885.235.152</u>

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31.12.2017 VND	30.6.2017 VND
Thuế nhà thầu	44.372.248	
Thuế thu nhập cá nhân	72.510.924 <u>116.883.172</u>	57.157.204 <u>57.157.204</u>

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.7.2017 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Cấn trừ VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
Thuế GTGT	-	633.870.679	-	(633.870.679)	-
Thuế thu nhập cá nhân	57.157.204	577.133.250	(561.779.530)	-	72.510.924
	<u>57.157.204</u>	<u>1.211.003.929</u>	<u>(561.779.530)</u>	<u>(633.870.679)</u>	<u>72.510.924</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.12.2017	30.6.2017
	VND	VND
Lãi vay phải trả	613.781.688	560.555.267
Chi phí nhân viên	589.585.004	1.325.441.000
Khác	97.000.000	554.089.184
	<u>1.300.366.692</u>	<u>2.440.085.451</u>

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2017	30.6.2017
	VND	VND
Bên thứ ba		
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	190.871.927	80.253.665
Cổ tức phải trả cho cổ đông thiểu số	5.719.415	5.719.415
Chi phí lãi vay phải trả	169.676.666	15.816.667
Khác	169.676.666	45.934.167
	<u>366.268.008</u>	<u>147.723.914</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))		
Cổ tức phải trả	6.745.071.130	6.745.071.130
Cổ tức đã nhận thừa phải trả	291.849.317	688.112.531
Chi phí lãi vay phải trả	196.101.276	319.280.915
Lãi phạt do trả chậm		177.882.761
Học phí thu hộ		74.450.000
Phải trả tạm ứng vốn	-	-
	<u>7.233.021.723</u>	<u>8.004.797.337</u>
	<u>7.599.289.731</u>	<u>8.152.521.251</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

số B 09 – DN

17 CÁC KHOẢN VAY

	Tại ngày 1.7.2017 VND	Tăng VND	Giảm VND	Phân loại VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
(a) Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng (***)				-	8.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Phương Đông Việt Nam (“OCB”)	10.000.000.000	8.000.000.000	(10.000.000.000)		19.150.000.000
Vay các bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	2.690.000.000	27.100.000.000	(10.640.000.000)		
Vay cá nhân (*)	1.300.000.000		(1.300.000.000)		6.475.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả từ ngân hàng trong vòng 1 năm (***)	12.450.000.000	-	(5.975.000.000)		
	<u>26.440.000.000</u>	<u>35.100.000.000</u>	<u>(27.915.000.000)</u>		<u>33.625.000.000</u>
(b) Vay dài hạn					
Vay ngân hàng (***)					
OCB	117.075.000.000				117.075.000.000
VCB	17.000.000.000				17.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả từ ngân hàng trong vòng 1 năm (***)					
OCB	(10.450.000.000)				(10.450.000.000)
VCB	(2.000.000.000)				(2.000.000.000)
Vay các bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	3.250.000.000		(3.250.000.000)		-
Phát hành trái phiếu (**)	1.000.000.000				1.000.000.000
	<u>125.875.000.000</u>				<u>125.875.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG
Mẫu số B 09 – DN

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31/12/2017		30/06/2017	
	Số cổ phiếu	Vốn góp VND	Số cổ phiếu	Vốn góp VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	35.000.000	350.000.000.000	35.000.000	350.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2017		30.6.2017	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	25.421.667	72,63	25.421.667	72,63
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến Trúc Xây Dựng Toàn Thịnh Phát	5.000.000	14,29	5.000.000	14,29
Bà Đặng Huỳnh Úc My	2.350.833	6,72	2.350.833	6,72
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam (trước đây là “Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên”)	1.977.500	5,65	1.977.500	5,65
Khác	250.000	0,71	250.000	0,71
	<u>35.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>35.000.000</u>	<u>100,00</u>

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	250.000.000.000	3.596.123.772	253.596.123.772
Lợi nhuận trong năm	-	25.600.042.358	25.600.042.358
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.332.145.777)	(1.332.145.777)
Chia cổ tức trong năm	-	(18.545.091.251)	(18.545.091.251)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	250.000.000.000	9.318.929.102	259.318.929.102
Tăng vốn trong năm (*)	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	1.353.301.464	1.353.301.464
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.136.328.330)	(1.136.328.330)
Chia cổ tức trong năm (**)	-	(6.750.916.129)	(6.750.916.129)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>350.000.000.000</u>	<u>2.536.062.926</u>	<u>352.784.986.107</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNGLợi nhuận trong năm
16.157.718.791

16.157.718.791

Điều chỉnh LN năm trước
(2.181.819)

(2.181.819)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
368.940.523.079**19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

(*) Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua kết quả phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ của Công ty từ 250 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng vào ngày 28 tháng 7 năm 2016, và từ 300 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng vào ngày 26 tháng 10 năm 2016. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, công ty chỉ mới tăng vốn lên đến 350 tỷ đồng.

(**) Thực hiện theo Nghị quyết số 11/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 10 năm 2016.

20 CỔ TỨC PHẢI TRẢ

Biến động cổ tức phải trả trong kỳ như sau:

	31/12/2017 VND	30/06/2017 VND
Số dư đầu năm	6.750.790.545	17.835.251.659
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 20)		6.750.916.129
Cổ tức đã chi trả bằng tiền		(17.835.377.243)
Số dư cuối năm (Thuyết minh 17)	<u>6.750.790.545</u>	<u>6.750.790.545</u>

21 DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ báo cáo 6 tháng	
	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Doanh thu		
Doanh thu từ hoạt động giáo dục	11.891.823.843	18.085.228.809
Doanh thu cho thuê	611.340.480	310.309.272
Doanh thu bán hàng	52.860.000	835.610.480
	<u>15.485.898.240</u>	<u>19.231.148.561</u>
Các khoản giảm trừ		
Giảm trừ học phí	(18.990.000)	
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần từ hoạt động giáo dục	11.872.833.843	18.085.228.809
Doanh thu thuần cho thuê	611.340.480	310.309.272
Doanh thu thuần bán hàng	52.860.000	835.610.480
	<u>15.466.908.240</u>	<u>19.231.148.561</u>

22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 6 tháng	
	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Chi phí lương	11.884.049.519	11.207.034.258
Chi phí thực phẩm	1.170.623.315	1.625.413.371
Công cụ, dụng cụ	1.335.358.060	1.382.434.386
Chi phí thuê	1,847.433.996	1.516.580.645
Chi phí khấu hao và phân bổ	882.726.878	936.021.128
Chi phí tiện ích		
Phí đào tạo	605.968.378	94.668.225
Khác	2.181.473.631	1.892.026.984
	<u>19.907.633.777</u>	<u>17.654.178.997</u>

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng	
	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	37.250.905.380	20.632.182.112
Lãi cho vay	5.340.419.657	750.191.844
Lãi tiền gửi	11.987.477	10.609.169
		-
	<u>42.603.312.514</u>	<u>21.392.983.125</u>

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng	
	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Chi phí lãi vay	13.840.849.279	8.017.508.300
Dự phòng các khoản đầu tư		-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện		-
	<u>13.840.849.279</u>	<u>8.017.508.300</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 6 tháng	
	31/12/2017 VND	31/12/20 VN
Chi phí nhân viên	2.970.837.180	3.502.155.
Công tác phí	581.116.635	369.722.
Công cụ, dụng cụ	1.432.635.868	198.468.
Chi phí khấu hao TSCĐ	700.000.000	25.693.
Chi phí tư vấn	1.425.177.239	143.064.
Chi phí thuê mặt bằng		421.428.
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	499.507.257	852.161.
	<u>7.609.274.179</u>	<u>5.512.694.</u>

26 CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ 6 tháng	
	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Lỗ do thanh lý tài sản	-	0
Tiền phạt trả chậm	560.508.953	-
Tiền phạt		-
Khác		14.418.216
	<u>560.508.953</u>	<u>14.418.216</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế TNDN khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng như sau:

	Kỳ 6 tháng 31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.157.718.791	9.425.331.775
Thuế tính theo thuế suất 20%	3.231.543.758	1.885.066.355
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(37.250.905.380)	(4.126.436.422)
Chi phí không được trừ		
Chênh lệch tạm thời và lỗ tính thuế không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.019.361.622	2.241.370.067
Chi phí thuế TNDN (*)	-	-

(*) Chi phí thuế TNDN trong năm được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm/kỳ phát sinh	Tình trạng kiểm tra của cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND
2014	Chưa quyết toán	212.204.463
2015	Chưa quyết toán	889.803.955
Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016	Chưa quyết toán	7.285.426.415
Từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017	Chưa quyết toán	34.414.743.655
Từ ngày 1 tháng 7 năm 2017 đến 31.12.2017	Chưa quyết toán	21.093.186.589

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá không có chênh lệch tạm thời đáng kể khác giữa cơ sở kế toán và cơ sở tính thuế do đó không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại.

28 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	31.12.2017 VND	30.6.2017 VND
Dưới 1 năm	8.594.849.797	3.238.207.333
Từ 1 đến 5 năm	21.196.511.184	11.376.000.000
Trên 5 năm	2.286.900.000	3.213.000.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>32,078,260,981</u>	<u>17.827.207.333</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

29. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2016 VND	2017 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây Dựng Toàn Thịnh Phát	Cổ đông	Chia cổ tức Đặt cọc thuê văn phòng Vay Lãi từ cho vay Thuê Văn Phòng	1.500.916.129 224.800.000 - - -	- - - - 437.531.530
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Công ty mẹ	Chia cổ tức Vay	5.250.000.000 14.000.000.000	- 1.500.000.000
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	Công ty con	Chi phí lãi vay Cho vay Lãi cho vay Cổ tức Cho vay Lãi cho vay	662.608.998 - - 2.151.000.000 200.000.000 -	- 294.500.000.000 3.712.805,556 1.055.000.000 1.220.000.000 2.345.278
Trường TH – THCS – THPT Thái Bình Dương	Công ty con	Cổ tức Mượn tiền Doanh thu bán thiết bị Cho vay Lãi cho vay	2.617.617.112 4.500.000.000 2.738.450.699 1.648.213.000 -	10.710.946.007 - - 8.700.000.000 88.568.333
Trường TH – THCS – THPT Trịnh Hoài Đức	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay	4.400.000.000 -	5.050.000.000 268.889
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Công ty con	Vay Lãi cho vay	3.000.000.000 -	4.950.000.000 16.976.667

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Mối quan hệ	Nghệp vụ	Kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2016	2017
			VND	VND
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Bình Dương	Công ty con	Doanh thu cho thuê	611.340.480	697.543.408
		Cổ tức	586.000.000	396.263.214
		Mượn tiền	700.000.000	-
		Cho vay		2.580.000.000
		Lãi cho vay		54.193.334
Trường THPT Lê Quý Đôn	Công ty con	Doanh thu tư vấn	3.000.000.000	3.000.000.000
		Cho vay	3.400.000.000	8.910.000.000
		Cổ tức	12.428.000.000	11.048.800.000
		Mượn tiền	1.500.000.000	-
		Lãi cho vay		99.846.387
Trường TH - THCS Lê Quý Đôn	Công ty con	Doanh thu tư vấn	2.400.000.000	2.400.000.000
		Cho vay	6.850.000.000	7.610.000.000
		Cổ tức	-	7.237.216.398
		Lãi cho vay		136.162.667
Trường THCS - THPT Tân Phú	Công ty con	Cổ tức	2.625.000.000	5.503.500.000
		Mượn tiền	5.200.000.000	-
		Cho vay		15.960.000.000
		Lãi cho vay		455.424.445
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	Công ty con	Thuê dịch vụ	1.042.413.218	504.000.000
		Cổ tức	224.565.000	-
		Vay	-	600.000.000
		Lãi vay		28.643.332
Đại học Yersin Đà Lạt	Công ty con	Góp vốn	11.061.600.000	19.884.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG
29. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	31.12.2016 VND	31.12.2017 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Trường TH – THCS – THPT Thái Bình Dương	3.012.295.769	-
Trường TH – THCS Lê Quý Đôn	440.000.000	440.000.000
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Bình Dương	225.384.181	336.237.264
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	104.811.685	
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	1.226.005	
Trường TH-THCS-THPT Trịnh Hoài Đức	1.226.005	
Trường THPT Lê Quý Đôn	-	550.000.000
	<u>3.784.943.645</u>	<u>1.326.237.264</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 4)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	203.687.360	280.332.815
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	34.528.000	142.561.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	-	
	<u>238.215.360</u>	<u>422.893.815</u>
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 5)		
Trường TH – THCS Lê Quý Đôn	9.200.000.000	2.500.000.000
Trường TH – THCS – THPT Trịnh Hoài Đức	3.360.000.000	2.120.000.000
Trường THPT Lê Quý Đôn	3.200.000.000	2.000.000.000
Trường TH – THCS – THPT Thái Bình Dương	1.000.000.000	3.000.000.000
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	200.000.000	700.000.000
Trường Mầm non Quốc Tế Abi Bình Dương		1.800.000.000
Trường THCS-THPT Tân Phú		7.800.000.000
Trường Mầm non Quốc Tế Abi Bến Tre		550.000.000
Công ty CPĐT Thành Thành Công		55.000.000.000
	<u>16.960.000.000</u>	<u>75.470.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09a – DN

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.12.2016	31.12.2017
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6(a))		
Trường TH – THCS Lê Quý Đôn	6.878.095.033	9.285.487.501
Trường THPT Lê Quý Đôn	2.195.140.000	4.852.588.889
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	759.682.764	903.277.387
Trường THCS – THPT Tân Phú	575.000.000	6.892.285.904
Trường TH – THCS – THPT Thái Bình Dương	393.126.377	3.333.618.125
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	16.527.778	
Trường TH – THCS – THPT Trịnh Hoài Đức	721.333	1.032.211.408
Trường Đại học Yersin Đà Lạt		91.214.250
Trường Mầm non Quốc tế Abi Bến Tre		4.995.833
	<u>10.818.293.285</u>	<u>22.395.682.297</u>
Ký quỹ dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	224.800.000	224.800.000
	<u>224.800.000</u>	<u>224.800.000</u>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	3.866.689.268	1.979.677.298
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	25.366.113	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	15.456.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công Lâm Đồng - Khách sạn Ngọc Lan	6.430.000	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Bến Tre - Trung tâm Lữ Hành	4.506.000	
	-	
	<u>3.918.447.381</u>	<u>1.979.677.298</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09a – DN

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.12.2016 VND	31.12.2017 VND
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 15)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	5.255.750.000	5.255.750.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	1.495.071.130	1.495.071.130
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	45.000.000	8.066.667
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	16.999.998	32.643.332
Trường THCS-THPT Tân Phú	1.117.083	
Trường Th-THCS-THPT Thái Bình Dương		191.667
Trường Mầm Non Abi Đồng Nai		2.765.277
Trường Mầm Non Abi Đồng Nai 2		4.415.278
Trường Đại Học Yersin Đà Lạt		138.998.222
Trường THPT Lê Quý Đôn Long Bình Tân		9.212.500
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế ABI Bình Dương	210.584	
	<u>6.814.148.795</u>	<u>6.947.114.073</u>

Các khoản vay (Thuyết minh 16(a))

Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	8.500.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	6.000.000.000	
Trường THCS-THPT Tân Phú	3.350.000.000	
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế ABI Bình Dương	670.000.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	500.000.000	1.100.000.000
Trường Đh Yersin Đà Lạt		16.100.000.000
Trường THPT Lê Quý Đôn Long Bình Tân		750.000.000
Trường Mầm non Abi Đồng Nai		350.000.000
Trường Mầm non Abi Đồng Nai		550.000.000
	<u>19.020.000.000</u>	<u>18.450.000.000</u>

30 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng như sau:

	31.12.2017 VND	30.6.2017 VND
Cam kết vốn đầu tư xây dựng công ty con	<u>14.205.324.595</u>	<u>14.205.324.595</u>

31 CAM KẾT KHÁC

	30.9.2017 VND	30.6.2017 VND
--	------------------	------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Cam kết góp vốn vào công ty con

800.000.000 -

Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Tổng giám đốc phê duyệt ngày 16 tháng 01 năm 2018.



Nguyễn Thị Thanh Hoa
Người lập



Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng



Dương Thục Linh
Phó Tổng Giám đốc